

Bản án số: 01/2017/HNGĐ-ST
Ngày 10-8-2017
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Nghiêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Bắc Hải.
2. Ông Lê Quốc Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức. Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2016/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2016 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1989. Địa chỉ: Bản Q1, xã M, huyện Q2, tỉnh Sơn La. Trú tại: C - D 3x-2, Hàn Quốc. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lò Văn Q, sinh năm 1984. Địa chỉ: Bản Q1, xã M, huyện Q2, tỉnh Sơn La. Trú tại: J - D1 2 G 4z, Hàn Quốc. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 20/9/2016 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lò Văn Q tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20/7/2010 tại Ủy ban nhân dân xã M1, huyện M2, tỉnh Sơn La. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại bản Q1, xã M, huyện Q2, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống, do khác quan điểm, khác phong tục tập quán nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Tháng 7/2014, chị đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, do thiếu sự tin tưởng, quan tâm nên vợ chồng mâu thuẫn nhiều hơn. Đến tháng 3/2016, anh Q cũng sang Hàn Quốc lao động nhưng do mâu thuẫn từ trước và thấy không còn tình cảm gắn bó nên anh chị không gặp nhau, sống ly thân từ đó đến nay. Do đó, chị viết đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con gái chung là cháu Lò Phạm Bảo T, sinh ngày 22/12/2010. Hiện nay cháu đang ở với ông bà ngoại. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu Bảo T. Chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại bản tự khai đề ngày 18/7/2017, bị đơn anh Lò Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý thời gian và hoàn cảnh kết hôn như chị N trình bày là đúng. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, anh cho rằng vợ chồng chung sống bình thường được 01 năm. Sau khi chị N sinh con thì phát sinh mâu thuẫn do anh chị đều không có công việc ổn định, khác phong tục và phong cách sống. Năm 2012, hai anh chị đi học tiếng Hàn và gửi con về ông bà ngoại. Thời gian này, anh chị không gần gũi và dần có khoảng cách. Đến năm 2014, chị N đi lao động tại Hàn Quốc, từ đó hai anh chị ít liên lạc và không gặp nhau. Chị N nhiều lần đề nghị ly hôn nhưng anh không đồng ý vì thương con. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng xa cách có nín giữ cũng không hạnh phúc nên anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Nếu ly hôn, anh đồng ý để chị N tiếp tục nuôi cháu Bảo T và anh chị tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tranh tụng tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Phạm Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Lò Văn Q.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Lò Văn Q, về con chung giao cho chị N nuôi cháu Bảo T, chấp nhận chị N không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[2] *Về tố tụng:* Ngày 08/11/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình 01/2016/TLST-HNGĐ về việc xin ly hôn theo đơn xin ly hôn đề ngày 20/9/2016 của chị Phạm Thị N. Do bị đơn anh Lò Văn Q đang sống và làm việc tại Hàn Quốc, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã tiến hành các thủ tục ủy thác tư pháp để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải (*phiên họp hòa giải*) và phiên tòa sơ thẩm cho anh Q. Tuy nhiên, đến ngày mở

phiên họp hòa giải, việc tổng đạt chưa hoàn thành và Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La không nhận được lời khai, tài liệu, chứng cứ của anh Q nên phải hoãn phiên họp. Đến ngày 25/7/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La nhận được bản tự khai và đơn đề nghị không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xin xét xử vắng mặt đề ngày 18/7/2017 của anh Lò Văn Q có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân của chị N và anh Q là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh chị đều không có công việc ổn định, khác phong tục và phong cách sống. Năm 2012, anh chị gửi con về ông bà ngoại để đi học tiếng Hàn. Tháng 7/2014, chị N đi lao động tại Hàn Quốc. Tháng 3/2016, anh Q cũng sang Hàn Quốc lao động. Thời gian này, anh chị thường xuyên xa cách, không gần gũi, thiếu sự tin tưởng lẫn nhau, hôn nhân đi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, chị N và anh Q đã sống ly thân từ tháng 3/2016 cho đến nay. Nay chị N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, anh Q nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị N. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N và anh Q trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, để ổn định cuộc sống cho các bên đương sự và con chung của vợ chồng thấy cần căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị N và anh Q ly hôn.

[4] *Về nuôi con chung*: Quá trình chung sống, chị N và anh Q có 01 con chung là cháu Lò Phạm Bảo T sinh ngày 22/12/2010 (*dưới 07 tuổi*). Xét nguyện vọng của chị N về việc tiếp tục được nuôi cháu Bảo T và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, được anh Q đồng ý nên có căn cứ chấp nhận.

[5] *Về chia tài sản*: Chị N và anh Q khai không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 153; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Lò Văn Q.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Lò Phạm Bảo T, sinh ngày 22/12/2010 cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị Phạm Thị N không yêu cầu anh Lò Văn Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lò Văn Q có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Phạm Thị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Lò Văn Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Chị Phạm Thị N phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài số tiền 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 03452 ngày 25/11/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 002100 ngày 08/11/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

Chị Phạm Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*ngày 10/8/2017*).

Anh Lò Văn Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Xuân Nghiêm